ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

LÊ THỊ QUỲNH NHƯ

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM TẠI TRUNG TÂM Y KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TÓM TẮT ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

Ngành: Kế toán

Mã số: 8340301

Đà Nẵng - 2025

Công trình được hoàn thành tại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHĐN

Người hướng dẫn khoa học: TS. Hà Phước Vũ

Phản biện 1: TS. Nguyễn Hữu Cường

Phản biện 2: TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc

Đề án tốt nghiệp sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Đề án tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 04 tháng 01 năm 2025

Có thể tìm hiểu đề án tại:

- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHĐN

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề án

Việc nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng từ hệ thống y tế. Chính phủ đã triển khai nhiều chính sách nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động KCB, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Áp lực hiện nay là song hành giữa việc đảm bảo chất lượng chuyên môn, cơ sở vật chất, dịch vụ y tế và tối ưu hóa quản lý chi phí (CP). Thách thức này đòi hỏi sự điều phối hiệu quả nguồn lực và đổi mới phương thức hoạt động.

Cơ sở y tế công lập phải ưu tiên nâng cao chất lượng dịch vụ (DV), tối ưu hóa cơ sở vật chất và nghiêm chỉnh chấp hành quy định giá dịch vụ y tế do Nhà nước ban hành. Mức giá dịch vụ không những phải tuân thủ đúng khung giá nhà nước mà còn cần đảm bảo khả năng thu hồi chi phí, tạo nguồn tích lũy và duy trì tính cạnh tranh. Vì vậy, việc xác định chính xác giá thành từng dịch vụ y tế là yếu tố tiên quyết. Giá thành phải cân đối giữa tuân thủ quy định nhà nước, bù đắp chi phí, tạo tích lũy và đảm bảo tính cạnh tranh so với các cơ sở y tế khác.

Trung tâm Y khoa (TTYK) – Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) là một đơn vị y tế công lập với dịch vụ XN là một dịch vụ cận lâm sàng chiếm nguồn thu khá lớn. Tuy nhiên, việc xác định chi phí, giá thành DV XN hiện còn nhiều bất cập. Dữ liệu chi tiết về việc cấu thành giá chưa đầy đủ, gây khó khăn trong đánh giá hiệu quả kinh tế của hoạt động này.

Xuất phát từ thực trạng trên, tôi đã lựa chọn đề tài ***"Hoàn thiện công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng"*** nhằm góp phần khắc phục những hạn chế

còn tồn tại, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện công tác tính giá thành DV XN tại đơn vị.

2. Mục tiêu, phạm vi của đề án

2.1. Mục tiêu

Mục tiêu của đề án là nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác tập hợp CP sản xuất cũng như quy trình tính giá thành DV XN. Trên cơ sở đó, đề án sẽ đưa ra các biện pháp cụ thể để cải tiến và hoàn thiện quy trình tính giá thành DV XN, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí và phù hợp với thực tế hoạt động của TTYK.

2.2. Phạm vi của đề án

Phạm vi nghiên cứu: Công tác tính giá thành các DV XN tại TTYK. Đề án tập trung vào các DV XN được thực hiện trực tiếp tại Khoa Xét nghiệm của TTYK.

3. Tầm quan trọng và tác động của đề án

Công tác tính giá thành giữ vai trò cốt lõi trong hoạt động của mọi tổ chức, đặc biệt là trong lĩnh vực y tế. Việc xác định chính xác chi phí để sản xuất một dịch vụ y tế không chỉ giúp xây dựng mức giá hợp lý mà còn tạo điều kiện cho sự cạnh tranh lành mạnh và thu hút người sử dụng dịch vụ. Đồng thời, thông qua việc phân tích chi phí, các cơ sở y tế có thể kiểm soát tốt các khoản chi tiêu, kịp thời nhận diện và khắc phục những điểm gây lãng phí, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động. Ngoài ra, công tác tính giá thành còn cung cấp thông tin quan trọng hỗ trợ các quyết định đầu tư, lập kế hoạch kinh doanh và đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính.

Đề án tính giá thành dịch vụ xét nghiệm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Trung tâm Y khoa (TTYK). Đây không chỉ là bước nền để xây dựng một hệ thống tính giá thành toàn diện cho tất cả các dịch vụ KCB tại TTYK mà còn giúp nâng cao khả năng quản lý chi phí và gia tăng mức độ tự chủ tài chính trong điều kiện cạnh tranh hiện nay. Việc tính đúng, tính đủ và tối ưu chi phí cho từng dịch vụ xét nghiệm giúp TTYK kiểm soát tốt hơn tài chính, cải thiện hiệu quả quản lý, tối ưu hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro tài chính và tạo ra nguồn thu ổn định, bền vững.

Hơn thế nữa, khi đảm bảo rằng dịch vụ cung cấp tương xứng với chi phí người bệnh bỏ ra, TTYK không chỉ nâng cao sự hài lòng và trải nghiệm của khách hàng mà còn gia tăng uy tín và năng lực cạnh tranh trong cộng đồng. Các thông tin về giá thành chính xác và kịp thời là công cụ hỗ trợ đắc lực cho Ban lãnh đạo TTYK trong việc đưa ra các quyết định chiến lược, như định giá dịch vụ, phân bổ nguồn lực hợp lý và điều chỉnh chính sách chi phí khi cần thiết. Vì vậy, đề án không chỉ mang ý nghĩa cải thiện hiệu quả tài chính mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện của TTYK.

4. Kết cấu của đề án

Ngoài phần lời mở đầu, danh mục các từ viết tắt, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, chuyên đề được kết cấu gồm 2 chương:

Chương 1. Thực tế về công tác tính giá thành DV xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

Chương 2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác tính giá thành DV xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

CHƯƠNG 1. THỰC TẾ CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM TẠI TRUNG TÂM Y KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

1.1. Khái quát về Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

1.1.1. Giới thiệu về Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

- Tên đơn vị: Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng
- Địa chỉ: 91A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Mã số thuế: 0401684004
- Tổng số cán bộ, người lao động: 45 người (20 cơ hữu; 25 kiêm nhiệm)
- TTYK thành lập theo Quyết định số 256/QĐ-ĐHĐN ngày 14/01/2015 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), là cơ sở y tế trực thuộc ĐHĐN dưới sự quản lý của ĐHĐN và Sở Y tế thành phố Đà Nẵng. TTYK được cấp giấy phép hoạt động theo số 0360/SYT – GPHĐ ngày 28/10/2016 do Sở Y Tế Thành phố Đà Nẵng cấp.
- Hoạt động chính của TTYK là hướng tới đào tạo thực hành lâm sàng cho sinh viên, học viên của Trường Y Dược (TYD), ĐHĐN, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên đồng thời phục vụ khám chữa bệnh cho cán bộ viên chức, học sinh - sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc ĐHĐN và người dân trong khu vực có nhu cầu KCB.
- Định hướng phát triển của TTYK là xây dựng trở thành bệnh viện đủ điều kiện cho sinh viên y khoa TYD thực tập, kiến tập, có đầy đủ các chuyên khoa, tạo điều kiện cho giảng viên TYD được tham gia KCB để nâng cao chuyên môn, thu nhập hướng tới mục tiêu

trở thành Bệnh viện Đại học Y dược – ĐHĐN.

1.1.2. Tổ chức hoạt động của Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

1.1.2.1. Đặc điểm hoạt động của Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

- Đào tạo thực hành lâm sàng lĩnh vực y tế
- Khám chữa bệnh và cung cấp các dịch vụ tế khác

1.1.2.2. Đặc điểm tổ chức quản lý của Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

TTYK là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, căn cứ phân loại mức độ tự chủ tài chính theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP thì TYK đang hoạt động như một đơn vị sự nghiệp công thuộc nhóm 2 tự đảm bảo chi thường xuyên.

Ban giám đốc TTYK, gồm: Giám đốc và Phó Giám đốc TTYK.

- Các Phòng chức năng trực thuộc TTYK do Giám đốc TTYK quyết định thành lập, thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc.

- Các Khoa chuyên môn trực thuộc TTYK do Giám đốc TTYK quyết định thành lập phù hợp theo giấy phép phạm vi hoạt động chuyên môn được Sở Y tế thành phố Đà Nẵng thẩm định và cấp phép.

- Cơ cấu tổ chức của TTYK do Giám đốc ĐHĐN quyết định và được điều chỉnh theo đề nghị của Giám đốc TTYK phù hợp với nhu cầu thực tế của TTYK và chiến lược phát triển chung của ĐHĐN.

1.1.3. Đặc điểm công tác kế toán của Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

Công tác kế toán của TTYK được chia làm hai mảng chính là công tác kế hoạch tài chính và công tác kế toán được thực hiện bởi bộ phận kế toán của TTYK. BP kế toán TTYK thuộc phòng Hành chính tổng hợp. Nhân sự kế toán hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm từ TYD, chỉ có phần hành thu viện phí và thủ quỹ là do cán bộ cơ hữu của TTYK đảm nhiệm.

1.2. Thực trạng công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa - Đại học Đà Nẵng

1.2.1. Công tác tập hợp chi phí phục vụ việc tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

- Tất cả các CP đều được tập hợp chung cho toàn bộ hoạt động của đơn vị mà chưa chi tiết theo từng đối tượng cụ thể, chỉ có CP VT-HC và CP nhân công có tập hợp chi tiết cho một số hoạt động của TTYK. Do đó các CP phát sinh của Khoa XN chưa được theo dõi chi tiết tại TTYK.

1.2.2. Công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành hiện nay tại TTYK là toàn bộ hoạt động KCB. Khi tập hợp chi phí, TTYK chưa tách riêng theo dõi chi phí theo từng khoa/phòng chuyên môn nên không thể xác định được chi phí riêng cho DV XN.

1.2.2.2. Phương pháp tính giá thành

Chi phí phát sinh được tập hợp trong kỳ và kết chuyển để tính

giá thành toàn bộ vào cuối kỳ nên có thể xem TTYK đang tính giá thành theo phương pháp trực tiếp nhưng đã bỏ qua bước tính chi phí dở dang cuối kỳ.

1.2.2.3. Kỳ tính giá thành

- TTYK có kỳ tính giá thành là cuối năm tài chính, vào thời điểm này kế toán tiến hành kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ vào tài khoản giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.3. Những kết quả đạt được trong công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

- Ghi nhận và theo dõi đầy đủ các CP phát sinh trong đơn vị, đảm bảo tính đúng, tính đủ các CP phát sinh.

- TTYK đã thực hiện theo dõi, quản lý VT-HC theo từng khoa/phòng trong đó có Khoa XN thông qua phần mềm quản lý nội bộ. Đây là việc làm cần thiết để xác định CP VT-HC phát sinh phục vụ cho hoạt động XN.

- Phần mềm quản lý nội bộ của đơn vị có thể truy xuất dữ liệu số lượt thực hiện DV XN trong kỳ phục vụ cho công tác tính giá thành đơn vị của từng kỹ thuật XN.

- Mặc dù TTYK không theo dõi CP nhân công theo từng Khoa/phòng nhưng có bảng tổng hợp thu nhập của từng người lao động trong đơn vị. Thông qua dữ liệu này TTYK có thể xác định được CP nhân công trực tiếp phục vụ cho DV XN tại đơn vị.

- CP khấu hao các TSCĐ tại khoa XN đều được trích theo quy định.

1.2.4. Những hạn chế hiện hữu trong công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

Một số hạn chế cần được hoàn thiện về công tác tập hợp chi phí và tính giá thành DV XN tại TTYK như sau:

- TTYK chưa có đối tượng tập hợp chi phí cũng như đối tượng tính giá thành cho DV XN. Chưa hạch toán, chưa có tiêu thức phân bổ cho các loại chi phí trực tiếp và gián tiếp theo từng Khoa/phòng chuyên môn trong đó có khoa XN mà hiện nay các chi phí này đang được nhập chung cho toàn đơn vị dẫn đến không xác định được hao phí đã bỏ ra để phục vụ cho hoạt động XN.

- Chưa thiết lập được phương pháp tính giá thành DV XN, cũng như chưa chú trọng đến việc tính giá thành DV XN.

- Có rất nhiều loại XN, các XN rất đa dạng đang được thực hiện tại TTYK nhưng lại chưa xây dựng được định mức chi phí cho từng danh mục XN, mỗi danh mục có yêu cầu về nguyên vật liệu, máy móc, nhân lực khác nhau nên việc xây dựng định mức về chi phí cho từng DV XN là cần thiết để có cơ sở xác định giá thành định mức giúp đơn vị so sánh giữa giá thành thực tế và định mức nhằm kiểm soát chi phí.

- Cuối kỳ, không tiến hành đánh giá chi phí dở dang cuối kỳ của vật tư, hóa chất tiêu hao tại Khoa XN. Cuối kỳ, các VT-HC vẫn còn tồn dư ở Khoa XN chưa sử dụng hết nhưng vẫn không được kiểm kê và đánh giá giá trị một cách phù hợp và mặc định các VT-HC khi đã xuất kho tới Khoa XN đều tính hết vào chi phí để tính giá thành.

- Giá thành DV KCB cũng như giá thành DV XN chưa tính đầy đủ các yếu tố chi phí vì chưa tính khoản phí điều tiết nộp về ĐHĐN đối với các TSCĐ được ĐHĐN đầu tư ban đầu.

- Việc tính giá thành DV XN là công việc quan trọng, phức tạp, yêu cầu thời gian, nguồn lực, vì vậy việc ứng dụng tin học, công nghệ để đảm bảo tiết kiệm thời gian, gia tăng tính chính xác, khách quan và giảm thiểu chi phí nhân lực là cần thiết. Với phần mềm KCB nội bộ hiện nay thì các yêu cầu về tính giá thành KCB, giá thành DV XN chưa được trang bị.

1.2.5. Phân tích nguyên nhân, nhận diện các yếu tố liên quan đến công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

Về nhân lực kế toán: Kế toán tại TTYK chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm từ TYD là đơn vị có chức năng đào tạo mà TTYK lại là đơn vị y tế vì thế chưa có nhiều kinh nghiệm về thực hiện công việc kế toán trong lĩnh vực này; Công việc kế toán chỉ mới chú trọng tới kế toán tài chính phục vụ các báo cáo tổng hợp chứ chưa đi sâu vào quản trị các nguồn chi phí để phân tích cụ thể, chi tiết các khoản mục chi phí, giá thành từng danh mục, DV KCB nói chung và DV XN nói riêng, chưa đánh giá được hiệu quả kinh tế của từng đơn vị chuyên môn ở TTYK.

Về ứng dụng tin học: TTYK đã có phần mềm KCB nội bộ phục vụ quản trị hoạt động KCB, tuy nhiên do kinh phí còn hạn chế nên phần mềm chưa liên kết được các thông tin từ phần mềm KCB nội bộ và phần mềm Misa Mimosa. Số liệu về doanh thu, nhập xuất tồn VT-HC kế toán vẫn tự nhập thủ công làm mất nhiều thời gian thực hiện.

Về tập hợp chi phí và tính giá thành DV XN: Chi phí phát sinh trong kỳ chưa tính chi phí phải trích nộp điều tiết về cho ĐHĐN. Thông tin về các chi phí dở dang cuối kỳ chưa xác định được là do chưa thành lập bộ phận kiểm kê VT-HC định kỳ.

CHƯƠNG 2. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TÍNH GIÁ THÀNH DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM TẠI TRUNG TÂM Y KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

2.1. Mục tiêu của giải pháp

Để đáp ứng hành lang pháp lý cũng như đảm bảo tính cạnh tranh trong thời kỳ hiện nay, việc hoàn thiện công tác tính giá thành DV XN để đảm bảo các mục tiêu như sau:

- Xác định chính xác giá DV: Đối với các đơn vị sự nghiệp công, cơ chế tự chủ đi kèmi với việc tự chịu trách nhiệm trong quản lý và điều hành. Giá dịch vụ KCB đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo tự chủ tài chính của TTYK. Quá trình tính giá thành tập trung vào việc tính toán đầy đủ và chính xác chi phí cho từng dịch vụ y tế, từ đó làm cơ sở để xây dựng giá dịch vụ phù hợp. Mức giá này cần đảm bảo đủ để trang trải chi phí, tạo nguồn tích lũy tái đầu tư, không vượt quá mức giá do Nhà nước quy định, đồng thời duy trì sức cạnh tranh trong khu vực.

- Xác định tỷ lệ các loại chi phí cấu thành giá DV XN sao cho phản ánh đầy đủ và phân bổ chính xác các chi phí cần thiết để hoàn thành dịch vụ này. Mục tiêu là tối ưu hóa chi phí và tiết kiệm trong quá trình cung cấp DV XN.

2.2. Cơ sở lý thuyết của giải pháp hoàn thiện công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng.

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại cơ sở y tế công lập

2.2.2. Cơ sở pháp lý về chi phí, giá thành khám chữa bệnh đơn vị HCSN

2.2.3. Phân loại giá thành dịch vụ

2.2.4. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành

2.2.5. Phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ

2.3. Nội dung của giải pháp đề xuất hoàn thiện công tác tính giá thành dịch vụ xét nghiệm tại Trung tâm Y khoa – Đại học Đà Nẵng

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 110 Luật KCB năm 2023 quy định giá thành toàn bộ của DV KCB bao gồm bốn loại CP sau:

- CP nhân công bao gồm tiền lương, tiền công phù hợp với loại hình cung cấp DV, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp theo quy định;

- CP trực tiếp bao gồm CP thuốc, hóa chất, máu, chế phẩm máu và CP nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng sử dụng trong KCB và các khoản CP trực tiếp khác;

- CP khấu hao thiết bị y tế, TSCĐ;

- CP quản lý bao gồm CP duy tu, bảo dưỡng thiết bị y tế, TSCĐ, CP bảo vệ môi trường, kiểm soát nhiễm khuẩn, CP đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin, CP mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, CP quản lý chất lượng, lãi vay (nếu có) và các CP khác có liên quan đến hoạt động KCB.

Để hoàn thiện công tác tính giá thành DV XN theo các yếu tố CP của Luật KCB năm 2023, TTYK cần thực hiện các công việc chính như sau:

2.3.1. Xác định đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ xét nghiệm

- TTYK cần xác định đối tượng tập hợp CP DV XN là toàn bộ các khoản CP trực tiếp và gián tiếp phát sinh trong quá trình cung cấp DV XN. Các CP phát sinh phải được tập hợp theo từng Khoa/phòng chuyên môn, đối với các DV XN thì sẽ tập hợp cho Khoa XN.

2.3.2. Xác định và phân bổ chi phí gián tiếp cho dịch vụ xét nghiệm

Thứ nhất, CP nhân công gián tiếp phân bổ theo số lượt DV thực hiện của từng khoa/phòng chuyên môn.

Thứ hai, CP văn phòng phẩm, CCDC, vật tư văn phòng…CP DV mua ngoài như điện, nước, internet v.v.

Thứ ba, chi trả phần điều tiết cho ĐHĐN và khấu hao TSCĐ

2.3.3. Xây dựng định mức chi phí dịch vụ xét nghiệm

- Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CP DV XN, đơn vị cần thiết lập định mức CP cho từng nhóm DV XN là cơ sở để xác định định mức CP cho từng DV XN.

2.3.4. Xác định chi phí dở dang cuối kỳ

- Đặc điểm của DV XN là tạo ra các sản phẩm vô hình với quá trình cung cấp và quá trình tiêu thụ đồng thời xảy ra cùng lúc. Tại thời điểm cuối kỳ, các VT-HC chưa sử dụng hết vẫn còn tồn ở Khoa XN vì thế cần có phương pháp xác định CP DV XN dở dang cuối kỳ theo CP NVL trực tiếp. CP DV XN dở dang được xác định là tổng CP VT-HC còn tồn ở Khoa XN.

2.3.5. Hoàn thiện phương pháp tính giá thành dịch vụ xét nghiệm

- Nhằm thuận tiện trong quá trình tập hợp, phân bổ CP TTYK xác định kỳ tính giá thành là theo năm tài chính.

- Đối tượng tính giá thành DV XN là từng DV XN cụ thể đang được thực hiện tại TTYK (XN công thức máu, XN canxi toàn phần, XN định nhóm máu…). Mỗi DV XN có những đặc điểm riêng về quy trình, vật tư tiêu hao, nhân lực... nên việc tính giá thành riêng biệt sẽ đảm bảo chính xác cho từng DV.

+ Tổng giá thành thực tế của DV XN theo công thức sau:

Tổng giá thành thực tế toàn bộ DV XN trong kỳ) = *CP DV XN dở dang đầu kỳ* + *CP DV XN phát sinh trong kỳ* - *CP DV XN dở dang cuối kỳ*

+ Tổng giá thành định mức của DV XN được tính như sau:

$$\textit{Tổng giá thành định mức của DV XN trong kỳ} = \sum\left(\textit{Định mức từng DV XN} \times \textit{Số lượt DV thực hiện trong kỳ}\right)$$

+ Dựa trên giá thành định mức và giá thành thực tế của toàn bộ hoạt động XN trong kỳ để xác định tỷ lệ giá thành

$$\textit{Tỉ lệ giá thành} = \textit{Tổng giá thành thực tế} : \textit{Tổng giá thành định mức}$$

+ Giá thành đơn vị DV XN thực tế

Giá thành đơn vị DV XN thực tế = *Giá thành đơn vị DV XN* *X* *Tỷ lệ giá thành*

2.3.5.1. Tính giá thành dịch vụ xét nghiệm theo phương pháp trực tiếp

Phương pháp tính giá thành trực tiếp phù hợp với việc xác định giá thành DV XN tại TTYK như sau:

Giá thành DV XN = CP dở dang đầu kỳ + CP Phát sinh trong kỳ - CP dở dang cuối kỳ

Trong đó:

CP dở dang đầu kỳ: là CP VT-HC khoa XN còn tồn cuối kỳ trước chuyển sang.

CP phát sinh trong kỳ: là tổng CP VT-HC, CP nhân công, CP khấu hao TSCĐ và CP hoạt động chung phát sinh trong kỳ khoa XN.

CP dở dang cuối kỳ: là CP VT-HC còn tồn tại Khoa XN cuối kỳ.

2.3.5.2 Tính giá thành dịch vụ xét nghiệm theo định mức chi phí

Đối với cơ sở KCB công lập thì giá DV cần thực hiện theo nguyên tắc nhà nước thống nhất về quản lý giá. Đối với DV XN của TTYK thực hiện theo khung giá DV tại Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 về việc "quy định khung giá DV KCB trong các cơ sở KCB của nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh trong một số trường hợp" .

Giá thành định mức DV XN tại TTYK cần xác định đầy đủ 04 yếu tố CP: CP VT-HC; CP nhân công; CP khấu hao TSCĐ và CP hoạt động chung.

Thứ nhất, xác định định mức thời gian, khối lượng DV định mức.

Thứ hai, xác định CP định mức VT-HC.

Thứ ba, xác định định mức nhân công

Thứ tư, xác định định mức kinh phí điều tiết về ĐHĐN và khấu hao TSCĐ

Thứ năm, định mức CP hoạt động chung

Cuối cùng, giá thành định mức DV XN

Từ giá thành định mức của mỗi DV XN và số lượt DV thực hiện trong kỳ, kế toán tính được tổng giá thành định mức của toàn bộ DV XN theo công thức sau:

$$\text{Tổng giá thành định mức của DV XN trong kỳ} = \sum \left(\text{Định mức từng DV XN} \times \text{Số lượt DV thực hiện trong kỳ} \right)$$

2.3.5.3 Giá thành thực tế theo phương pháp tỷ lệ

Sau khi tính được tổng giá thành thực tế, tổng giá thành định mức của toàn bộ DV XN, kế toán tiến hành xác định giá thành đơn vị thực tế của từng DV XN.

2.3.6. Một số nội dung hoàn thiện khác trong quá trình tính giá thành dịch vụ xét nghiệm.

- Phần mềm quản lý nội bộ của đơn vị cần bổ sung thêm chức năng nhập liệu định mức của DV, giúp tự động tính toán giá thành định mức theo số lượng DV thực hiện phục vụ truy xuất dữ liệu nhanh chóng, chính xác.

- Hoá đơn VT-HC đầu vào thường có đơn vị tính theo quy cách đóng gói lô, thùng, can, hộp… vì thế VT-HC khi xuất kho cần quy về đơn vị tính nhỏ nhất để thuận tiện trong quá trình xử lý số

liệu nhập xuất tồn. Cần xác định nhu cầu sử dụng của đơn vị để lập dự trù mua sắm hợp lý theo từng thời kỳ đảm bảo hạn chế VT-HC tồn kho, hư hỏng, hết hạn sử dụng .

- Chủ động làm việc với nhà cung cấp VT-HC các điều khoản về giá để tránh biến động giá quá nhiều trong cùng một kỳ kế toán ảnh hưởng giá thành của DV.

- Thường xuyên cập nhật, hoàn thiện các quy trình thực hiện DV XN nhằm tối ưu CP DV.

2.4. Triển khai giải pháp

2.4.1. Lộ trình, tiến độ, nhân sự thực hiện

2.4.1.1. Lộ trình thực hiện

a. Chuẩn bị

Bước 1: Nghiên cứu và phân tích thực trạng

Bước 2: Xây dựng kế hoạch chi tiết

Bước 3: Phê duyệt kế hoạch

b. Triển khai

Bước 1: Xây dựng công cụ hỗ trợ.

Bước 2: Đào tạo và triển khai thí điểm

Bước 3: Điều chỉnh và cải tiến quy trình

c. Hoàn thiện và áp dụng đồng bộ

2.4.1.2 Tiến độ thực hiện

Thời gian	**Nội dung công việc**

Thời gian	Nội dung công việc
Quý 1/2025	Đánh giá thực trạng công tác tính giá thành tại đơn vị. Đưa ra các giải pháp phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của TTYK và đề xuất lãnh đạo phê duyệt.
Quý 2/2025	Xây dựng định mức CP cho các DV XN. Nâng cấp, cải tiến các tính năng phục vụ tính giá thành của phần mềm. Đào tạo nhân viên về việc sử dụng các tính năng mới của phần mềm. Áp dụng thử nghiệm với một nhóm DV XN cụ thể: sinh hoá, huyết học, vi sinh…
Quý 3/2025	Triển khai thử nghiệm và theo dõi các báo cáo nhận được. Kiểm tra, rà soát và điều chỉnh phương án đã triển khai cho đến khi có kết quả mong muốn
Quý 4/2025	Áp dụng các giải pháp tính giá thành vào toàn bộ hoạt động XN của TTYK

2.4.2. Phân công trách nhiệm và nguồn lực

- Bộ phận kế toán
- Bộ phận mua hàng
- Thủ kho
- Phòng HCTH
- KTV Khoa XN

- Bộ phận CSVC

2.5. Các rủi ro,thách thức và giải pháp giảm thiểu rủi ro

STT	Rủi ro/thách thức	Giải pháp
1	Nguồn lực con người của TTYK còn hạn chế, kế toán và nhân viên XN chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm nên cần bố trí thời gian hợp lý.	Xác định đầu mối chính của công việc. Phân công cụ thể công việc cho từng bộ phận, từng con người.
2	Kinh phí của việc hoàn thiện phần mềm quản lý nội bộ.	Xác định mức kinh phí đầu tư và nguồn lực hiện có.
3	Sự biến động của giá của các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến định mức giá thành.	Bộ phận mua hàng và kế toán có sự phối hợp và kịp thời điều chỉnh.

2.6. Kết quả và hiệu quả dự kiến

2.6.1. Kết quả dự kiến của giải pháp

- Đối với giải pháp xác định đối tượng tập hợp CP và tính giá thành DV XN giúp TTYK hạch toán đúng chi phí, phản ánh chính xác các chi phí bỏ ra cho DV XN, thấy được tỷ lệ các loại CP cấu thành giá thành DV XN. Xây dựng được cơ sở dữ liệu CP chi tiết, đầy đủ, minh bạch theo Khoa XN.

- Đối với giải pháp xác định và phân bổ CP gián tiếp cho DV XN đã góp phần gia tăng tính chính xác trong việc tính toán giá thành DV XN.

- Đối với việc xây dựng định mức CP DV XN, đây là một giải pháp thực sự cần thiết với tình hình của TTYK. Giúp cho TTYK kiểm soát và dự báo được các CP phát sinh đồng thời so sánh đối chiếu với thực tế để có phương án tối ưu CP. Hoàn thiện định mức của các CP phát sinh cung cấp chính xác các thông tin yếu tố đầu vào về số lượng VT-HC, giờ công lao động, mức độ sử dụng máy móc cần thiết để hoàn thành một DV cụ thể. Dựa trên định mức CP, TTYK có thể dự báo và kiểm soát CP của từng công đoạn, từ đó tính toán giá thành DV một cách chi tiết và chính xác

- Giải pháp xác định giá trị dở dang cuối kỳ bằng cách xác định VT-HC còn tồn là một bước tiến của TTYK để nâng cao hiệu quả quản lý VT-HC cũng như góp phần định giá DV XN chính xác hơn.

- Hoàn thiện công tác tính giá thành DV XN, làm cơ sở để xây dựng giá thành cho toàn bộ DV KCB của TTYK giúp đơn vị xác định giá DV hợp lý đảm bảo mang lại lợi ích kinh tế cho TTYK và gia tăng cạnh tranh của TTYK với các cơ sở y tế trong khu vực.

2.6.2. Đánh giá hiệu quả, so sánh với mục tiêu đề ra

- Mức phù hợp giữa kết quả và mục tiêu: Kết quả dự kiến của giải pháp phù hợp với các mục tiêu đã đề ra, hỗ trợ TTYK hiểu rõ cơ cấu CP của DV XN, từ đó giúp TTYK tính toán để phân bổ các nguồn lực hợp lý hơn. Phương pháp tính giá thành được xây dựng phù hợp với đặc điểm của DV XN hoàn thành cũng như tình hình của đơn vị góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động quản lý nội bộ, hỗ trợ định giá DV cạnh tranh hơn trên thị trường, hướng tới mục tiêu tăng nhanh nguồn thu cũng như sự phát triển bền vững của TTYK.

- Đánh giá tổng quan: Đối với TTYK, việc tính giá thành dịch vụ XN là một công tác hoàn toàn mới và chưa từng được triển khai trước đây nên có hiệu ứng mạnh đối với công tác quản lý tại TTYK. Từ các giải pháp được đưa ra được kỳ vọng giúp TTYK đẩy mạnh hơn nữa việc quản lý chi phí và điều chỉnh các quy trình phù hợp để nâng cao hiệu quả KCB. Giá thành của DV XN được thiết lập không chỉ phục vụ mục tiêu kiểm soát CP, định giá DV mà còn đóng vai trò như một bước đi mới mở đầu cho việc thiết lập hệ thống tính giá thành của toàn bộ các danh mục KCB tại TTYK, hỗ trợ TTYK trong việc đưa ra các định hướng chiến lược dựa trên thông tin cung cấp chính xác.

KẾT LUẬN

Hoàn thiện công tác tính giá thành DV XN tại TTYK là một bước đi chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CP và tối ưu hóa hoạt động DV y tế. Qua việc đánh giá thực trạng, xây dựng giải pháp và thiết lập lộ trình cụ thể, đề án hướng tới các mục tiêu quan trọng bao gồm: xác định và phân loại CP chính xác, lựa chọn phương pháp tính giá thành phù hợp và ứng dụng công cụ quản lý hiện đại để đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ và hiệu quả trong quản lý.

Việc thực hiện đề án không chỉ giúp TTYK thiết lập được phương pháp tính giá thành DV XN phù hợp với tình hình của đơn vị mà còn đáp ứng yêu cầu cải thiện quy trình nội bộ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và vị thế của TTYK trong lĩnh vực DV y tế. Hệ thống tính giá thành mới sẽ giúp TTYK quản lý chặt chẽ các nguồn lực tài chính, giảm thiểu thất thoát và lãng phí. Hỗ trợ Ban giám đốc đưa ra các quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu chính xác và minh bạch.Tăng cường sự tin tưởng từ khách hàng, đối tác, và đội ngũ cán bộ nhân viên thông qua sự rõ ràng trong việc xác định và công khai CP DV.